

Bản án số: 36 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4- 2023

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Năng

2/ Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
không tham gia.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm: 1984(có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKHKT: Khóm Phước T, thị trấn V, huyện C, An Giang

2.*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

ĐKHKT: Khóm Vĩnh L, thị trấn V, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 21/3/2023, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn M qua tìm hiểu tiến tới hôn nhân và chung sống như vợ chồng kể từ năm 2005, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tôi và ông Nguyễn Văn M ly thân từ năm 2014

cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và kéo dài thêm nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

-*Về con chung*: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Minh H, sinh năm: 2006. Hiện cháu H đang sống với bà T, sau ly hôn bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai, biên bản hòa giải cùng ngày 27/3/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

-*Về hôn nhân*: Ông và bà Võ Thị Ngọc T tự nguyện đi đến hôn nhân từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng từ năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có cãi nhau, tình cảm giữa ông và bà T không thể hàn gắn, hai vợ chồng ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Ngọc T ông đồng ý ly hôn.

-*Về con chung*: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Minh Hiếu, sinh năm: 2006. Hiện cháu H đang sống với bà T, sau ly hôn ông đồng ý giao cho bà T nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng*: Bà Võ Thị Ngọc T là nguyên đơn và ông Nguyễn Văn M là bị đơn trong vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1]*Về quan hệ hôn nhân*: Bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau vào năm 2005, tự nguyện sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo giấy xác nhận số 01 ngày 21/8/2022 thì theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh B thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Minh và bà T. Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông Minh đã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của bà T và ông M đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của bà T và ông Minh không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M là phù hợp.

[3.2] *Về con chung*: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Minh Hiếu, sinh năm: 2006. Hiện cháu H đang sống với bà T. Sau ly hôn bà T yêu cầu nuôi cháu H, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, còn ông M cũng đồng ý giao cháu Hiếu cho bà T nuôi dưỡng. Xét thấy cháu H từ nhỏ sống với bà T, được bà T chăm sóc ổn định. Tại bản tự khai của cháu H ngày 24/3/2023 thì cháu H có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó để thực hiện theo nguyện vọng của cháu H và cũng tạo điều kiện cho bà T chăm sóc cháu, nghĩ nên để bà T được nuôi cháu Hiếu là phù hợp, ông M không cấp dưỡng nuôi con. Bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông M được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi ông thực hiện quyền này.

[.33] *Về tài sản và nợ chung*: Bà Võ Thị Ngọc T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] *Về án phí*: Do yêu cầu của bà Võ Thị Ngọc T được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị Ngọc T. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Minh H, sinh năm: 2005. Hiện cháu H đang sống với bà T. Sau ly hôn bà T được nuôi dưỡng cháu H, ông M không cấp dưỡng nuôi con. Bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Minh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi ông thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Bà Võ Thị Ngọc T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004193 ngày 24/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Về kháng cáo: Bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung